



bào yǔ
暴雨

Noun · torrential rain

Example Sentences

bào yǔ dǎo zhì shān tǐ bēng tā
暴雨导致山体崩塌。

Heavy rain caused a mountain collapse

bào yǔ dǎo zhì dào lù yān shuǐ le
暴雨导致道路淹水了。

The heavy rain caused the road to flood.

bào yǔ dǎo zhì chéng shì duō chù jī shuǐ
暴雨导致城市多处积水。

The rainstorm caused waterlogging in many parts of the city.

Trace each character, then write the word on your own.

暴	暴	暴	暴	暴	暴	暴	暴	暴	暴	暴
雨	雨	雨	雨	雨	雨	雨				